

Số: 238 /TB- ĐHTM

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

*Về việc nộp hồ sơ xét miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập;
hỗ trợ học tập; trợ cấp xã hội đối với sinh viên đại học chính quy
Học kỳ II, năm học 2024 - 2025*

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng chính phủ;

Nhà trường hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học tập và trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2024 - 2025 đối với sinh viên đang học tập tại trường như sau:

I. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

1. Đối tượng được miễn học phí

1.1. Sinh viên là thân nhân (vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi) của người có công với cách mạng (liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học...) theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1.2. Sinh viên khuyết tật.

1.3. Sinh viên (tuổi từ 16 đến 22) học đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

1.4. Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1.5. Sinh viên người **dân tộc thiểu số** có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) **thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.6. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (*Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chứt, O Du, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thèn, La Hù*) quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng được giảm học phí

2.1. Đối tượng được giảm 70% học phí: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Đối tượng được giảm 50% học phí: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3. Cơ chế xét miễn, giảm học phí

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí thuộc đối tượng 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 và 2.2 chỉ phải nộp 01 bộ hồ sơ cho cả thời gian học tập. Sinh viên đã nộp hồ sơ trong các năm học/học kì trước không phải nộp hồ sơ;

- Sinh viên thuộc đối tượng 1.5 đã có xác nhận hộ nghèo/ hộ cận nghèo năm 2025 nộp hồ sơ đầy đủ để xét miễn, giảm học phí cho học kì 2 năm học 2024-2025;

- Sinh viên thuộc đối tượng 1.6 và 2.1 nộp 01 bộ hồ sơ đầy đủ để xét miễn, giảm học phí cho cả năm học. Sinh viên đã nộp hồ sơ trong học kì 1 không phải nộp bổ sung.

4. Hồ sơ xét miễn, giảm học phí

4.1. Sinh viên là thân nhân của người có công với cách mạng

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu);
- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng là người có công với cách mạng có con thuộc diện miễn học phí;
- Bản sao Thẻ thương binh, bệnh binh
- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

4.2. Sinh viên khuyết tật:

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc bản sao chứng thực Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội;
- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

4.3. Sinh viên thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội;
- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

4.4. Sinh viên hệ cử tuyển:

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu).

4.5. Sinh viên người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên;
- Bản sao chứng thực giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 (sở hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã cấp);
- Xác nhận thông tin về cư trú còn thời hạn sử dụng.

4.6. Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu);
- Xác nhận thông tin về cư trú còn thời hạn sử dụng;
- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên;
- Bản sao chứng thực căn cước công dân của sinh viên;

4.7. Đối tượng được giảm 70% học phí

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu);
- Xác nhận thông tin về cư trú còn thời hạn sử dụng;
- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên;
- Bản sao chứng thực căn cước công dân của sinh viên;

4.8. Đối tượng được giảm 50% học phí

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc minh chứng nhận trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp;
- Bản sao chứng thực giấy chứng nhận trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp hoặc quyết định trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp;
- Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

II. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo (được chính quyền địa phương xác nhận thuộc đối tượng trên tại thời điểm xét).

- Không áp dụng đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

3. Cơ chế xét hỗ trợ chi phí học tập

Sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập phải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ chi phí học tập theo từng học kỳ.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập bao gồm các giấy tờ sau:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập;
- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã, phường, thị trấn (*Chứng nhận cho năm 2025*);
- Bản sao chứng thực Giấy khai sinh;
- Xác nhận thông tin về cư trú còn thời hạn sử dụng;

III. HỖ TRỢ HỌC TẬP

1. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người (*Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ*)

2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/sinh viên/tháng. Thời gian được hưởng hỗ trợ 12 tháng/năm cho năm học có thời gian học đủ 9 tháng trở lên; trường hợp năm học không đủ 9 tháng thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

3. Cơ chế xét hỗ trợ học tập

Sinh viên thuộc diện hỗ trợ học tập phải nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ học tập theo từng học kỳ.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học tập

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học tập bao gồm các giấy tờ sau:

- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực Giấy khai sinh;
- Xác nhận thông tin về cư trú còn thời hạn sử dụng;

IV. TRỢ CẤP XÃ HỘI

1. Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội

1.1. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có hộ khẩu thường trú ít nhất từ 3 năm trở lên.

1.2. Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

1.3. Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật.

1.4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo.

2. Mức hưởng trợ cấp xã hội

Đối tượng 1.1 được hưởng 140.000đ/1 tháng.

Đối tượng 1.2, 1.3, 1.4 được hưởng 100.000đ/1 tháng.

3. Hồ sơ trợ cấp xã hội

3.1. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu).
- Bản sao giấy khai sinh.
- Bản sao công chứng Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Giấy xác nhận nơi cư trú.
- Giấy chứng nhận của UBND xã/phường/thị trấn về hộ khẩu thường trú ở vùng

cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ít nhất từ 3 năm trở lên.

3.2. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu).
- Bản sao giấy khai sinh.
- Bản sao giấy chứng tử của cha và mẹ.
- Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của UBND xã/ phường/ thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú về hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nguồn cung cấp tài chính thường xuyên.

3.3. Sinh viên là người tàn tật từ 41% trở lên và có khó khăn về kinh tế.

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu).
- Biên bản giám định sức khỏe của hội đồng Y khoa (có ghi rõ tỷ lệ).
- Giấy xác nhận của xã/phường/thị trấn về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

3.4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập.

- Đơn xin hưởng trợ cấp xã hội (theo mẫu).
- Kết quả học tập học kì 1 năm học 2024-2025
- Bản sao sổ hộ nghèo 2025 có công chứng.

V. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ

1. Hồ sơ xét miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập

- Thời gian nộp hồ sơ trước **11h00 ngày 18/02/2025**.
- Sinh viên nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Công tác Sinh viên, **phòng 127 nhà T (khóa 57, 59, 60), phòng 129 nhà T (khóa 58)**.

2. Hồ sơ xét trợ cấp xã hội

- Đối tượng sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao; sinh viên là người mồ côi; sinh viên là người tàn tật nộp hồ sơ trước **11h00 ngày 18/02/2025**.
- Đối tượng sinh viên sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập nộp hồ sơ trước **11h00 ngày 25/3/2025**.
- Sinh viên nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Công tác Sinh viên - **phòng 127 nhà T**.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


PGS, TS Nguyễn Đức Nhuận



Nguyễn Đức Nhuận